TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/DS-PT
Ngày: 20 - 01 - 2026
"V/v tranh chấp đòi lại tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thành Trung**

Bà **Ngô Thị Kim Châu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Hưng** – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Nguyễn Thanh Hoàng -** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 666/2025/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2025 về *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 132/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 762/2025/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Bích T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: F H, V, Hoa Kỳ.

Địa chỉ tạm trú: ấp H, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2024: Bà Lê Thị Trúc P, sinh năm 1992; địa chỉ: số C, đường Đ, khu phố M, phường B, tỉnh Vĩnh Long và bà Lê Thiên N, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long (có mặt bà N).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Bùi Thị Bích T: Luật sự Lê Nhật H, là luật sư của văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V (có mặt).

Địa chỉ: số D, đường T, khu phố A, phường A, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Tuyết L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 2, ấp A, xã G, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, theo văn bản ủy quyền ngày 24/9/2025: Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: 1, khu phố H, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đỗ Nhật T1, sinh năm 2003 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 295/3, ấp An Hòa Thạnh, xã Giao Long, tỉnh Vĩnh Long

4. Người kháng cáo: Bà Đỗ Thị Tuyết L, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/12/2024 của nguyên đơn là bà Bùi Thị Bích T và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Trúc P trình bày:

Vào ngày 04/12/2021, bà Bùi Thị Bích T có nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn L1 căn nhà cấp 4 tại thửa đất số 201, tờ bản đồ số 11, diện tích 366m^2, tọa lạc xã G, tỉnh Vĩnh Long với số tiền nhận chuyển nhượng là 1.300.000.000 đồng, tương đương số tiền 53.000 USD. Thời điểm bà T nhận chuyển nhượng đất của ông L1 do bà T đang sinh sống và làm việc tại Hoa Kỳ nên bà T không đứng tên được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Do đó, bà T đã nhờ bà Đỗ Thị Tuyết L là bạn thân của bà T đứng tên dùm thửa đất số 201, tờ bản đồ số 11, diện tích 366m^2, tọa lạc xã G, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông L1, căn nhà bà L cho thuê lại với số tiền là 3.000.000 đồng/tháng.Từ tháng 12/2023, nhà nước có chủ trương làm công trình kè chống sạt lở bờ sông G, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre. Căn nhà của bà T nằm trong một phần công trình thi công nên phải giải phóng mặt bằng, được hỗ trợ tiền bồi thường căn nhà là 238.377.000 đồng cho chủ thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, căn nhà và đất của bà T do bà L đứng tên thay bà T nên Trung tâm phát triển quỹ đất đã giao tiền bồi thường căn nhà của bà T cho bà L. Năm 2024, bà T về Việt Nam. Bà T được biết bà L đã nhận số tiền bồi thường nhà của bà T đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 11. Vì vậy, bà T yêu cầu bà L giao lại số tiền trên nhưng bà L không giao lại.

Nay bà T yêu cầu bà Đỗ Thị Tuyết L giao trả cho bà T số tiền bà L đã nhận bồi thường từ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C, tỉnh Bến Tre đối với thửa đất số 201, tờ bản đồ số 11, tọa lạc xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre với

tổng số tiền là 238.377.000 đồng. Sau khi bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L cho thuê 02 căn nhà trên cho đến thời điểm bà T về Việt Nam sinh sống, tiền thuê nhà do bà L giữ, bà T không biết đến, đó coi như là tiền công sức bà T cho bà L. Thửa đất số 201 nêu trên bà T đã yêu cầu bà L trả lại cho bà T. Do bà T không đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được nên bà T nhờ cháu là ông Đỗ Nhật T1 đứng tên thay.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu S trình bày: Bà Đỗ Thị Tuyết L có đứng tên dùm bà Bùi Thị Bích T phần đất thuộc thửa 201, tờ bản đồ số 11, tọa lạc xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS367 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho bà Đỗ Thị Tuyết L đứng tên ngày 23/9/2022 và tài sản gắn liền với đất là nhà ở. Bà L có nhận số tiền từ thửa đất nêu trên là 238.377.000 đồng, khi nhận tiền là bà T đồng ý cho bà L nhận, xem như công sức quản lý, tôn tạo, giữ gìn đối với tài sản trên.

Vào khoảng tháng 11/2024, bà L đã chuyển nhượng vô điều kiện phần đất bà L đứng tên dùm bà T cho anh Đỗ Nhật T1 theo yêu cầu của bà T. Bà L không đồng ý với yêu cầu của bà T. Theo tinh thần án lệ số 02/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016, bà L yêu cầu bà T trả tiền công sức đầu tư, tôn tạo cải tạo đất là 350.000.000 đồng, trừ đi số tiền 238.377.000 đồng bà L đã nhận, bà T còn phải có trách nhiệm giao cho bà L số tiền 116.623.000 đồng. Theo hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà L với ông L1 là phần đất có diện tích 447m^2, nhưng khi cấp đất bà L chỉ được cấp 366m^2, phần đất còn lại nằm trong quy hoạch xây bờ kè nhưng chỉ xây một phần, còn một phần là đất trống bà T mới xây dựng tôn tạo lại, còn phần 03 căn nhà trọ vẫn nằm trong 366m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Nhật T1 trình bày: Bà T có nhờ ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 201, tờ bản đồ số 11, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long), do là cháu nên ông đứng tên dùm. Ông không có ý kiến gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 274, 275 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích T: Buộc bà Đỗ Thị Tuyết L có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Bích T số tiền 238.377.000 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn đồng). Ghi nhận bà Bùi Thị Bích T không yêu cầu bà Đỗ Thị Tuyết L trả lãi suất của số tiền nêu trên.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị Tuyết L về việc yêu cầu bà Bùi Thị Bích T trả công sức gìn giữ tôn tạo thửa 201, tờ bản đồ số 11, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 01/10/2025 bà Đỗ Thị Tuyết L kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 132/2025/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Tuyết L.

Sửa về phần án phí bản án dân sự sơ thẩm 132/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Vĩnh Long.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án nên bà Đỗ Thị Tuyết L không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo ngày 01/10/2025 của bà Đỗ Thị Tuyết L còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Nhật T1 xin vắng mặt nên được giải quyết vắng mặt theo quy định khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Vào ngày 04/12/2021, bà Bùi Thị Bích T chi số tiền 1.300.000.000 đồng (tương đương 53.000USD) để nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn L1 thửa đất số 201, tờ bản đồ số 11, diện tích 366m^2 tại G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) và 03 căn nhà trên đất. Do bà T sinh sống ở Hoa Kỳ nên bà nhờ bà Đỗ Thị Tuyết L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 0367 cấp ngày 23/9/2022. Bà L cũng thừa nhận bà đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ bà T, tiền nhận chuyển nhượng đất là do bà T bỏ ra. Năm 2024, theo yêu cầu của bà T, bà L đã làm thủ tục chuyển nhượng không điều kiện toàn bộ thửa đất và nhà trên đất cho ông Đỗ Nhật T1 nên có căn cứ chứng minh bà T là chủ sử dụng thực tế thửa đất số 201 và căn nhà trên đất.

Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên, bà L trực tiếp quản lý, cho thuê nhà, toàn bộ tiền thuê nhà bà L giữ, bà T không nhận. Bà L cho rằng một phần tiền thuê nhà là bà trả công cho người giúp việc của bà T, một phần tôn tạo lại 01 căn nhà trên thửa đất nói trên nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, bà T không thừa nhận nên không có cơ sở để xem xét. Tháng 3/2024, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre có dự án Kè chống sạt lở bờ sông G, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vào ngày 26/3/2024, Ủy ban nhân dân huyện C có bảng chiết tính bồi thường một phần thửa đất số 201, tờ bản đồ số 11, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre nằm trong dự án với số tiền bồi thường là 238.377.000 đồng. Bà L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã nhận bồi thường số tiền này. Bà L thừa nhận quyền sử dụng đất thực tế là của bà T, bà cũng đồng ý trả số tiền này cho bà T nên bà T yêu cầu bà L trả sồ tiền 238.377.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Bà Đỗ Thị Tuyết L yêu cầu phản tố cho rằng phần tài sản bà đứng tên dùm bà T đã tăng giá trị từ 1.300.000.000 đồng lên 2.000.000.000 đồng nên đề nghị Tòa án xem xét buộc bà T hoàn lại cho bà ½ số tiền chênh lệch là 350.000.000 đồng tiền công sức tôn tạo gìn giữ tài sản cho người Việt Nam ở nước ngoài theo tinh thần Án lệ số 02/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016. Tuy nhiên, bà L chỉ đứng tên quyền sử dụng đất cho bà T trong thời gian ngắn (từ tháng 9/2022 đến tháng 11/2024). Bà L thừa nhận bà đứng tên quyền sử dụng đất dùm bà T, tiền sửa chữa nhà là từ tiền cho thuê nhà trọ. Do bà L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho việc làm tăng giá trị đất, thực tế bà L cũng không trực tiếp quản lý sử dụng đất, tài sản trên đất là bà L cho thuê, tiền thuê nhà là bà L được hưởng nên có thể coi đây là khoản thù lao công sức cho việc bà L quản lý tài sản. Mặt khác, khi bà L trả lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà T thì bà L đã thừa nhận là trả lại không có điều kiện nên nay bà L lại yêu cầu đối bà T là không có căn cứ.

Cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tính án phí là chưa chính xác, có sự nhầm lẫn giữa tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn và bị đơn nên cấp phúc thẩm sửa về phần án phí. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Tuyết L. Sửa bản án sơ thẩm số 132/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Tuyết L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.535.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên bà Đỗ Thị Tuyết L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Xét, quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đỗ Thị Tuyết L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 132/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long, về phần án phí.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 166, 274, 275 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bích T: Buộc bà Đỗ Thị Tuyết L có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị Bích T số tiền 238.377.000 đồng (hai trăm ba mươi tám triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn đồng). Ghi nhận bà Bùi Thị Bích T không yêu cầu bà Đỗ Thị Tuyết L trả lãi suất của số tiền nêu trên.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Đỗ Thị Tuyết L về việc yêu cầu bà Bùi Thị Bích T trả công sức gìn giữ tôn tạo thửa 201, tờ bản đồ số 11, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) số tiền 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị Tuyết L phải chịu toàn bộ tiền án phí là 27.535.000 đồng, bà Đỗ Thị Tuyết L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 8.750.000 đồng, theo biên lai thu số 000986 ngày 21/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long) nên được trừ qua, bà L còn phải nộp thêm số tiền là 18.785.000 đồng (mười tám triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

- Bà Bùi Thị Bích T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Bùi Thị Bích T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.959.000 đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006472 ngày 10/01/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là phòng thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Vĩnh Long).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị Tuyết L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả cho bà Đỗ Thị Tuyết L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số 0003791 ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC Tại thành phố Hồ Chí Minh: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND khu vực 5: 01;
- Phòng THADS khu vực 5: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng

CÁC THẨM PHÁN

Ngô Thị Kim Châu Lê Thành Trung

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng